

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2019/DS-ST
Ngày 17-9-2019
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Huỳnh Hương.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Vũ Ánh Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2018/TLST - DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2019/QĐXXST – DS ngày 13 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Y, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện MC, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Y, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Lâm Thị N (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, thành phố CM, tỉnh Cà Mau

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Phạm Thị M, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Lâm Kim H, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1962 (có mặt).
Địa chỉ: Khóm S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lâm Thị Kim L (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lâm Văn H (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lâm Thị T (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp S, xã KB, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lâm Thị P (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lâm Văn C (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Lâm Thị T (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lâm Văn M (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp D, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lâm Văn C, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Nguyễn Thị L (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Nguyễn Thị T (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Nguyễn Văn H (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Anh Lý Văn P, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Trần Thị N, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Nguyễn Hồng K, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Chị Nguyễn Diễm M, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lâm Thị Y trình bày: Nguồn gốc đất yêu cầu chia thừa kế là của cụ Lâm Văn B (chết năm 1959) và cụ Nguyễn Thị A (chết năm 2013) để lại. Cụ B và cụ A có 07 người con tên:*

1. Lâm Văn G (chết năm 2010), vợ ông G chết năm 2000. Ông G có 09 người con gồm: Lâm Kim H; Lâm Văn Q; Lâm Thị Kim L; Lâm Văn H; Lâm Thị T; Lâm Thị P; Lâm Văn C; Lâm Thị T; Lâm Văn M; Lâm Văn C.

2. Lâm Thị N.

3. Lâm Thị N chết không có chồng con.

4. Lâm Văn N chết không có vợ con.

5. Lâm Văn S (chết năm 2015).

6. Lâm Thị Y.

7. Lâm Văn T (chết năm 1979), có vợ tên Nguyễn Thị T và có 01 con chung nhưng cũng đã chết.

Năm 1960 cụ A kết hôn với cụ Nguyễn Văn H và có 04 người con tên:

1. Nguyễn Văn H.

2. Nguyễn Văn T1.

3. Nguyễn Văn G.

4. Nguyễn Văn V (chết năm 2004), vợ ông V cũng chết, ông V có 03 người con tên: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H.

Năm 1969 cụ H chết, đất do cụ A quản lý sử dụng, đến năm 2013 cụ A chết thì để lại toàn bộ đất cho ông Nguyễn Văn G quản lý. Năm 2015 ông G kêu người bán đất thì phát hiện đất đã chuyển tên quyền sử dụng sang ông G mà không được sự đồng ý của các anh chị em trong gia đình. Năm 2017 ông G sang nhượng đất cho bà Phạm Thị M và giao đất cho bà M quản lý, sử dụng. Nay bà

khởi kiện yêu cầu: Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn G và bà Phạm Thị M vô hiệu. Chia di sản thừa kế là phần đất do cha mẹ bà là cụ Lâm Văn B và cụ Nguyễn Thị A chết để lại diện tích 15.520m² đất tọa lạc ấp A, xã K, huyện T, yêu cầu được hưởng 03 công đất ruộng tầm 3m, vị trí liền kề với khu mộ của cha mẹ.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:* Về nguồn gốc đất và hàng thừa kế bà Lâm Thị Y trình bày trên là đúng. Ông là con út nên sống chung nhà với cụ A thì diện tích 16.390m² do ông và cụ A quản lý sử dụng ổn định. Đến khi Nhà nước có chủ trương làm quyền sử dụng thì ông và cụ A tiến hành làm thủ tục và ngày 15/5/1992 ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định đến khi tranh chấp. Năm 2013 cụ A chết không để lại di chúc và không lấy đất tặng cho ai.

Quá trình quản lý, sử dụng ông và bà A có tặng cho ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn V mỗi người 1,5 công. Hai phần đất này hiện ông H và ông V bán lại cho ông Lâm Thành B, ông B được cấp quyền sử dụng đất ngày 10/11/1998 diện tích 3.888m². Năm 1999, ông và cụ A cho ông Lâm Văn S và bà Lâm Thị Y mỗi người 1,5 công, ông S và bà Y chuyển nhượng lại cho ông Phạm Tấn N. Phần ông sử dụng còn lại 12.802m² có cho ông H thuê đất hơn 10 năm nay. Sau đó lấy lại và chuyển nhượng đất ruộng cho Lý Văn P năm 2017 giá 100.000.000 đồng và giao cho anh P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất vườn và thổ cư hiện cho ông H tạm ở quản lý. Nay bà Y yêu cầu chia cho bà 03 công đất ruộng ông không đồng ý.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H trình bày:* Bà Y trình bày về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và nguồn gốc đất ông xác định là đúng. Quá trình quản lý, sử dụng cụ A có tặng cho ông S, bà Y, ông H, ông V mỗi người 1,5 công; cho ông T 03 công. Ông và ông V sử dụng đất được khoảng 6 năm thì chuyển nhượng lại cho ông B. Khi ông T chết thì 03 công đất giao lại cho cụ A quản lý. Ông G là con út trong gia đình nên ở chung với mẹ ông, khi có vợ ông G sử dụng được một thời gian thì về bên vợ ở huyện Cái Nước sinh sống nên cho ông thuê lại đất được 15 năm, giá mỗi năm là 72 gạ lúa. Sau đó lấy lại cho người cháu thuê và lấy lại sang nhượng cho anh P phần đất ruộng, đất vườn thì ông đang ở và quản lý.

Việc ông G làm quyền sử dụng đất ông không biết. Khi cụ A gần chết thì có nói với ông là ở giữ đất, không cho ông G sang hết đất. Khi cụ A chết năm 2013 thì cũng không có để lại di chúc. Nay bà Y chia thừa kế 03 công đất ruộng, ông thống nhất. Riêng ông thì không yêu cầu chia thừa kế và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần của ông.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T1 trình bày:* Bà Y trình bày về hàng thừa kế, thời điểm mở thừa kế và nguồn gốc đất ông xác định là đúng. Về nguồn gốc đất tranh chấp trước đây là của cụ A và cụ B. Quá trình quản lý đất, mẹ ông có cho ông S, bà Y, ông H và ông V mỗi người 1,5

công, cho ông T 03 công, sau đó thì ông V và bà Y sang nhượng lại cho ông N, ông H và ông V sang lại cho ông B. Riêng ông T đã chết, có vợ con về tỉnh Bến Tre sống nên mẹ ông lấy lại chia cho các con khác, trong đó có cho ông 1,5 công, ông thấy Y nên để lại cho ông G sử dụng. Năm 1992 cụ A giao đất và làm quyền sử dụng đất cho ông G đứng tên. Năm 2013 cụ A chết không để lại di chúc. Nay bà Y chia thừa kế là 03 công ông không thống nhất. Riêng ông thì không yêu cầu được chia thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết phần của ông.

- *Tại biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự và đơn xin từ chối tham gia giải quyết vụ án ngày 30/7/2018 bà Lâm Thị N trình bày:* Bà không yêu cầu chia thừa kế và xin vắng mặt, không tham gia vào vụ án.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lâm Thị Y là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày:* Thống nhất lời trình bày của bà Y là đúng và đồng ý với yêu cầu của bà Y đặt ra.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị M trình bày:* Bà có sang nhượng đất ruộng diện tích 11.502m² và đường nước ngang 6m của ông G nhưng chỉ mới đưa 100.000.000 tiền cọc, không có sang phần đất vườn. Hai bên chuẩn bị làm hợp đồng sang đất thì bà Y ngăn và tranh chấp nên dừng lại. Nếu Tòa chia đất cho bà Y thì bà chỉ sang phần còn lại, phần của bà Y do bà Y định đoạt. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G bà đang quản lý. Đối với phần đất ruộng do bà và con bà là anh P sử dụng làm ruộng gần 03 năm nay. Sau khi Tòa án giải quyết xong thì bà và ông G thỏa thuận việc sang nhượng sau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng giữa bà với ông G.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lý Văn P trình bày:* Anh thống nhất lời trình bày trên của bà M là đúng và đồng ý với yêu cầu của bà M.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lâm Kim H trình bày:* Bà xác định nguồn gốc đất là của cụ B và cụ A chết để lại, khi chết không để lại di chúc. Ông G là người sống với cụ A đến khi cụ A chết. Bà nghe cha nói lại trước khi chết, cụ A có cho vợ chồng ông T 03 công. Nay bà thống nhất giao lại cho bà Y 03 công đất như yêu cầu của bà Y. Bà không yêu cầu chia thừa kế.

- *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Văn Q trình bày:* Ông xác định nguồn gốc đất là của cụ B và cụ A. Khi hai cụ chết không để lại di chúc. Nay ông thống nhất giao lại cho bà Y 03 công đất như yêu cầu của bà Y để thờ cúng ông bà. Ông không yêu cầu chia thừa kế.

- *Quá trình giải quyết vụ án anh Lâm Văn Cảnh trình bày:* Anh xác định nguồn gốc đất của ông bà nội là cụ B và cụ A. Khi ông nội và bà nội chết không để lại di chúc. Anh không yêu cầu chia thừa kế; bà Y yêu cầu chia thừa kế thì yêu cầu giải quyết đúng quy định pháp luật.

- *Tại phiên tòa Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật về thủ tục tố tụng giải quyết vụ án dân sự. Qua xem xét lời trình bày của*

các đương sự và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc yêu cầu được chia thừa kế 03 công đất tầm 3m và yêu cầu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông G với bà M, anh P vô hiệu.

Án phí và chi phí tố tụng bà Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của chị L, anh H, chị T, chị P, anh C, chị T, anh M, anh C, chị L, chị T, anh H được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do; bà N, bà N, chị K, chị M vắng mặt có văn bản yêu cầu xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất và thừa kế vị của cụ A, các đương sự trong vụ án trình bày phù hợp nhau gồm: Cụ B và cụ A chung sống có 07 người con tên: Lâm Văn G (chết năm 2010), Lâm Thị N, Lâm Thị N (chết không có chồng con), Lâm Văn N(chết không có vợ con), Lâm Văn S (chết năm 2015), Lâm Thị Y, Lâm Văn T (chết năm 1979) có vợ tên Nguyễn Thị T.

Cụ B chết năm 1959. Đến năm 1960 cụ A kết hôn với cụ Nguyễn Văn H và có 04 người con gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn V (chết năm 2004).

Hàng thừa kế vị của ông Lâm Văn G gồm: Lâm Kim H, Lâm Văn Q, Lâm Thị Kim L, Lâm Văn H, Lâm Thị T, Lâm Thị P, Lâm Văn C, Lâm Thị T, Lâm Văn M, Lâm Văn C. Hàng thừa kế vị của ông Nguyễn Văn V gồm: Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn H.

[3] Về nguồn gốc đất các đương sự trong vụ án trình bày phù hợp nhau là của cụ A và cụ B tạo lập diện tích 16.390m² do ông G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua đo đạc thực tế diện tích còn lại hiện nay là 10.439,2m², trong đó đất vườn 2012,1m² hiện do ông H quản lý và 8427,1m² đất ruộng (là đất bà Y yêu cầu chia thừa kế) hiện do anh P và bà M đang quản lý do có thỏa thuận sang nhượng đất giữa ông G với anh P, bà M. Nguyên đơn bà Y, ông H và bà T xác định di sản của cụ A và cụ B chết để lại chưa chia thừa kế, nay bà Y yêu cầu nhận 03 công đất ruộng, nằm liền kề với phần đất vườn (đoạn tiếp giáp mốc 2 - 5 đo về hướng mốc 3 - 4 theo Mảnh trích đo địa chính ngày 25/02/2019). Đối với việc ông G làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Y và ông H không hay biết.

[4] Xét quá trình quản lý và sử dụng đất thì thấy rằng: Ông G là con út nên chung sống với mẹ là cụ A từ nhỏ; ông G đã chăm lo, phụng dưỡng và cùng quản lý đất cho đến khi cụ A qua đời năm 2013. Ngày 15/5/1992 ông G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình quản lý và sử dụng đất, cụ A và ông G có tặng cho ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn V mỗi người 1,5 công,

ông H và ông V chuyển nhượng lại cho ông Lâm Thành B và ngày 10/11/1998 ông G làm thủ tục tách diện tích 3.888m² cho ông B đứng tên quyền sử dụng. Đến ngày 28/4/1999, ông và cụ A tặng cho ông Lâm Văn S và bà Lâm Thị Y mỗi người 1,5 công, ông S và bà Y chuyển nhượng lại cho ông Phạm Tấn N. Cũng theo “Tờ sang nhượng đất” do Lâm Văn S và Lâm Thị Y thiết lập ngày 28/4/1999 có xác nhận của chính quyền áp thể hiện nội dung: “Đất này nguồn gốc là của bà Nguyễn Thị A là mẹ ruột của Lâm Văn S và Lâm Thị Y, do bà tuổi cao nên giao quyền lại cho con là Nguyễn Văn G, đứng tên quyền sử dụng đất. Nay được gia đình đồng ý thỏa thuận trong anh em nên cho ông S, bà Y sang nhượng lại cho anh Phạm Tấn N”. Mặt khác, phần đất này ông G đã cho ông H thuê lại 13 năm, cho anh M thuê 02 năm, đến năm 2017 ông G lấy lại và chuyển nhượng cho bà M và anh P nên phát sinh tranh chấp. Như vậy, có căn cứ chứng minh năm 1992 ông G làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các anh chị em trong gia đình biết, cho đến trước năm 2015 vẫn không có khiếu nại hay tranh chấp. Trong quá trình quản lý đất, ông G cho ông H, anh M thuê đất, đồng ý cho bà Y, ông S, ông H và ông V chuyển nhượng đất cho người khác, điều này chứng tỏ bà Y, ông H và các anh em khác biết ông G là chủ sử dụng đất hợp pháp. Từ các phân tích trên, cho thấy từ năm 1992 ông G được Nhà nước giao quyền sử dụng đất nên là chủ sử dụng đất hợp pháp, không còn là tài sản của cụ A. Do vậy, bà Y xác định đất là di sản của cụ A nên kiện chia thừa kế là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Ngoài ra, bà Y cho rằng bà yêu cầu nhận 03 công đất cũng là nhận thay cho phần của bà Nguyễn Thị T là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, nếu cụ A có tặng cho đất ông T và bà T, nay ông T chết thì người thừa kế của ông T mới có quyền khởi kiện đòi lại, đây không phải quyền lợi của bà Y nên bà Y không có quyền kiện thay cho người khác. Đối với việc bà Nguyễn Thị T cho rằng bà A có tặng cho ông Lâm Văn T 03 công sau hậu đoạn tiếp giáp đất Huỳnh Kim Đ và ông Phạm Tấn N. Xét thấy, bà T không có khởi kiện độc lập trong vụ án để đòi lại tài sản nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết, nếu giữa các đương sự không thỏa thuận được với nhau thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác là phù hợp.

[6] Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị N với bà Phạm Thị M, anh Lý Văn P thiết lập ngày 20/4/2017. Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y và ông G, bà N với bà M, anh P không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đặt ra xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[7] Đối với phần đất ông Lâm Văn S và bà Lâm Thị Y chuyển nhượng lại cho ông Phạm Tấn N 03 công nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông G. Ông G xác định chưa lập thủ tục tách quyền sử dụng cho ông N. Xét thấy, đất ông N và bà Đ quản lý 03 công có ranh giới riêng biệt với đất tranh chấp chia thừa kế và không có tranh chấp, nên không cần thiết đưa ông N và bà Đ tham gia tố tụng cũng đảm bảo giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về chi phí tố tụng: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, nên bà phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng dự nộp 2.603.000 đồng tại Cơ quan đo đạc và 1.000.000 đồng chi phí thẩm định tại Tòa án.

[10] Về án phí: Bà Y là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được xem xét miễn toàn bộ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Y yêu cầu: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn G, bà Trần Thị N với bà Phạm Thị M, anh Lý Văn P thiết lập ngày 20/4/2017 vô hiệu và yêu cầu được hưởng 03 công đất ruộng tầm 3m, đất tọa lạc ấp A, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau do ông Nguyễn Văn G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Chi phí tố tụng bà Lâm Thị Y phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật số tiền 3.603.000 đồng, bà Y đã dự nộp và đối chiếu thanh toán xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm bà Y được xét miễn toàn bộ. Bà Y dự nộp 1.944.000 đồng theo biên lai số 0008387 được nhận lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên